

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày: 12/02/2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng V.

Các thẩm phán:

Ông Lâm Văn Be

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nhật Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2019/QĐXX-PT ngày 05 tháng 12 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Quang V, sinh năm 1967; cư trú: Số 308, đường Cách CMTT, Khu phố 3, Phường 2, thành phố TN, tỉnh TN ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Hải V, sinh năm 1978; cư trú: Ô 2, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh TN; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Trần Hải V luật sư ông Nguyễn Văn B- Văn phòng luật sư Thành Trung- Thuộc đoàn luật sư thành phố HCM; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Trần Hải V luật sư Bà Nguyễn Thị Lan S- Văn phòng luật sư Hoàng Hà Luật- Thuộc đoàn luật sư thành phố HCM; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1978; cư trú: Số 56/11/5, đường 27,

Phường Hiệp B Chánh, quận TD, thành phố HCM; có mặt.

3.2 Chị Trần Hải Yến, sinh năm 1976; cư trú: Ô 2, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh TN ;vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo anh Đỗ Quang V, chị Trần Hải V là nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh V trình bày: Ngày 08 tháng 7 năm 2019 anh có nộp đơn khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản là quán cà phê Hải Âu, số 226, Quốc lộ 22, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN và Rạp phim thuộc khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh TN với chị Trần Hải Yến, sinh năm 1976 và chị Trần Hải V, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Ô 2, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh TN. Nay anh xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Hải Yến, sinh năm 1976, địa chỉ: Ô 2, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh TN và anh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Hải V, sinh năm 1978, địa chỉ: Ô 2, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh TN. Cụ thể, anh không khởi kiện chị Yến; anh không tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với chị V, anh chỉ yêu cầu chị Trần Hải V phải trả cho anh số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 24/7/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn chị Trần Hải V thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Chị và anh V có mối quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2018, chị và anh V dự định đi đến quan hệ hôn nhân, tuy nhiên khi gần đến quan hệ hôn nhân thì chị phát hiện anh V vẫn còn vợ và đang sống chung với vợ, anh V chưa ly hôn với vợ nên chị ra điều kiện anh V phải thu xếp chuyện gia đình của anh V thì chị mới đồng ý tiếp tục mối quan hệ với anh V. Do anh V không làm theo yêu cầu của chị nên chị đề nghị chấm dứt mối quan hệ với anh V. Từ đó anh V đòi tiền đã cho chị, số tiền là 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng. Chính vì lý do trên nên anh V nộp đơn khởi kiện chị ở Tòa án và ở Công an. Hiện nay anh V còn kiêu căng hồ đe dọa chị buộc chị trả tiền lại cho anh V. Giấy ghi nợ 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng chị bị anh V thuê gian hồ ép buộc chị ghi và ký tên. Chị thừa nhận chị viết và ký tên nhưng đều bị anh V ép buộc. Ngày hôm đó là ngày 24/4/2019, có chị Trương Thị Mỹ L là bạn của chị chứng kiến và buộc chị ghi chị Trương Thị Mỹ L trả 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng vào ngày 24/5/2019. Nguyên nhân là do L cũng có điều kiện tài chính, có thể cho chị mượn để trả cho anh V nên anh V buộc chị ghi như vậy. Sự việc trên L có thể đứng ra làm chứng. Số tiền anh V cho chị do anh V chuyển khoản hai lần vô tài khoản của chị Yến và chị Yến rút ra đưa cho chị. Lần thứ nhất vào 02/7/2018 số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng, lần thứ hai chị không nhớ ngày, chuyển số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, nội dung hai lần đều ghi “chuyển tiền cho V mượn”. Lý do ghi nội dung chuyển tiền như trên là gì chị không biết rõ, chị nghĩ anh V phòng ngừa chị để Su này đòi lại số tiền trên. Chị đã sử dụng hết số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng mà anh V đã cho chị vào mục đích chi tiêu, mua sắm, sinh hoạt cá nhân hết. Nay chị không đồng ý trả toàn bộ số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và

lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 24/7/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử theo yêu cầu của anh V.

Bị đơn chị Trần Hải Yến thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Chị là chị ruột của chị V, chị xác định anh V và chị V có mối quan hệ tình cảm với nhau. Trước đây chị V có mượn tài khoản của chị để anh V chuyển tổng cộng số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng, Su khi anh V chuyển tiền vào tài khoản của chị thì chị V đã yêu cầu chị rút toàn bộ số tiền trên cho chị V nên chị đã rút toàn bộ số tiền trên giao cho chị V. Nay do anh V đã rút yêu cầu khởi kiện đối với chị nên chị không có ý kiến, mọi việc do chị V và anh V quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Mỹ L thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Thực tế chị V có nhận số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng của anh V nhưng số tiền trên là tiền anh V cho chị V. Giấy nhận nợ số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng mà anh V nộp cho Tòa án là do chị V viết nhưng nội dung là do anh V đọc cho chị V viết. Chị là người chứng kiến toàn bộ sự việc, thời điểm đó anh V có thuê những người giang hồ đến cơ quan, gia đình đe dọa chị và chị V để đòi nợ, buộc chị V phải ký tên vào giấy nhận nợ. Lý do trong giấy nợ có ghi tên chị là do chị V là bạn của chị nên chị đồng ý ghi tên chị vào trong giấy nợ để kéo dài thời gian giải quyết trong mối quan hệ tình cảm giữa chị V và anh V, thực tế chị không có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho chị V và chị cũng chưa trả bất kỳ số tiền nào cho anh V. Trong vụ án anh V tranh chấp với chị V, chị không có liên quan nên chị không có nghĩa vụ trả nợ cho anh V.

Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của anh Đỗ Quang V đối với chị Trần Hải V.

2. Buộc chị Trần Hải V có nghĩa vụ phải trả cho anh Đỗ Quang V số tiền 4.345.625.000 (bốn tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản của anh Đỗ Quang V đối với chị Trần Hải Yến.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo nhưng không bị kháng cáo.

Ngày 30/10/2019, anh Đỗ Quang V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo hướng tính lại lãi suất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2019, chị Trần Hải V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm và hủy giấy biên nhận nợ giữa chị V và anh V số tiền 4.250.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Hải V luật sư S trình bày:

Giữa chị V và anh V có mối quan hệ tình cảm, chị V tin tưởng anh V và nghĩ hai người sẽ tiến đến hôn nhân nên anh V chuyển tiền cho chị V, nhưng vì sợ mọi người biết nên anh V mới chuyển tiền qua tài khoản của chị Yến là chị ruột của chị V, anh V chưa ly hôn với vợ nên chị V muốn chấm dứt mối quan hệ với anh V thì anh V khởi kiện đòi lại số tiền đã chuyển cho chị V, trước khi khởi kiện anh V thuê Công ty đòi nợ Dân An đến uy hiếp ép buộc chị V ký tên vào giấy mượn tiền, có sự chứng kiến của chị L là bạn chị V; anh V chuyển tiền cho chị V để sử dụng chung, hai người cùng đi chơi, đi nhà nghỉ nhưng tại tòa luật sư chưa thu thập được chứng cứ hai người đi nhà nghỉ cùng nhau, chị V mua thuốc đông trùng hạ thảo cho gia đình anh V, tất cả đều tiêu bằng số tiền anh V gửi cho chị V, vì tình cảm yêu thương, tin tưởng lẫn nhau nên chị V không ghi lại hóa đơn, chứng từ, chị V còn đóng học phí cho con anh V là những điều rất thật, khi anh V thuê người đòi nợ ép chị V ký giấy mượn tiền như cho người đến nhà treo băng ron đòi nợ dẫn đến mẹ chị V phải nhập viện, nên chị V mới viết giấy mượn tiền do anh V đọc chị V viết. Theo điều 9 của Luật dân sự thì hợp đồng bị ép buộc thì không có giá trị, đây là mối quan hệ tình cảm nên cần tuyên hủy bản án sơ thẩm, hủy giấy nợ giữa anh V với chị V.

Luật sư Nguyễn Văn B trình bày:

Việc anh V chuyển tiền cho chị V, không phải là hợp đồng dân sự mà là vì tình cảm, cho nhau, Su đó anh V ép chị V viết giấy nợ, tôi đến gặp gia đình chị V, có gặp cả bà Yến qua trao đổi bà Yến rất nhiều tiền sẽ không để cho V phải mượn tiền, đây là khoản tình phí, tòa yêu cầu có tất cả chứng cứ thì tôi nêu những vi phạm tố tụng.

Tôi trình bày vấn đề vi phạm tố tụng không hiểu bản án sơ thẩm ghi mối quan hệ hợp đồng vay tài sản, bà Yến bị đơn, bà L là người liên quan nhưng chỉ thấy trong hồ chỉ có 01 thụ lý vụ án ngoài ra không có thụ lý vụ án gì khác thể hiện 13 Si phạm như Su:

Hồ sơ vụ án 01 văn bản thụ lý vụ án ngày 09.7.19 tòa thụ lý quan hệ sở hữu tài sản không giống quan hệ như bản án sơ thẩm, không ra quyết định đình chỉ quan hệ tranh chấp sở hữu tài sản.

Toàn bộ quan hệ tranh chấp hoàn toàn khác nhau nhưng không thụ lý riêng biệt.

Tòa xử theo hướng nhập vụ án theo đ42 không ra quyết nhập vụ án

Xác định bà Yến bị đơn là vô lý, bị Si tố tụng.

Xác định Si người liên quan trong vụ án là bà L

Thụ lý đơn kiện khi chưa đủ điều kiện khởi kiện thụ lý ngày 09.7.2019 giấy nợ ngày 24.7.2019 mới trả nợ.

Tòa triệu tập thiếu công ty đòi nợ dân an là tổ chức đòi nợ ép viết giấy

nợ, tòa TB bác yêu cầu chính đáng của bà V. công ty trách nhiệm hữu hạn quảng cáo TN có chuyển tiền nhưng không được lấy lời khai là bị bỏ sót tại tòa án TB.

Quá trình thu thập chứng cứ như giấy viết nợ cấp sơ thẩm đã thu thập Si tố tụng thu thập bản photo có đóng dấu bút lục, vi phạm đ 96 tố tụng khi thu thập chứng cứ, tòa sơ thẩm xử không đủ căn cứ; lấy lời khai của các đương sự bằng cách hỏi trả lời và hồ sơ cấp sơ thẩm không thấy lời khai ông V ; tòa sơ thẩm phải lấy lời khai công ty dân an, công ty quảng cáo.

Vi phạm k5 đ 96 tố tụng khi ông V khởi kiện phải giao nộp các chứng cứ cho bà V.

Xét xử vắng mặt bà V có đơn lần 2 vì bà V phải cung cấp chứng cứ bên công an nhưng bị từ chối thì tòa phải có văn bản.

Đánh giá chứng cứ theo chương 7 tố tụng tôi chưa hỏi lý do So bà V nộp cho tòa huy hiệu 40 năm tuổi đảng viên làm gì? Bà V, bà Yến là đảng viên, bố bà V là cựu chứng minh chị em bà không lừa đảo, kgông lừa dối ông V, tòa án xem xét danh dự cho gia đình bà; ủy nhiệm chỉ bút lục 03...ủy nhiệm chỉ là công ty TNHH quảng cáo TN...chuyển vào tài khoản bà Yến và chuyển đến ai đã rõ là cá nhân ông V phải tuyên 250tr là của công ty quảng cáo nêu công ty đòi mới căn cứ tuyên trả. Tòa đánh giá chứng cứ không đúng của công ty quảng cáo là tiền cá nhân ông V, tòa cấp sơ thẩm đánh giá công văn này không đủ cơ sở. Tòa bỏ qua các đơn tố cáo của bà V bị ép buộc hoàn toàn.

Áp dụng Si pháp luật tiền cho tòa biến thành tiền vay và tính lãi suất là Si làm của tòa cấp sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm không khách quan không tình không lý đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích của bà V, bà yến chứng minh giấy nợ là sự ép buộc vi phạm pháp luật nên vô hiệu.

Cuối cùng mong Hđxx phúc thẩm căn cứ điều 310 Bộ luật dân sự; do tòa sơ thẩm TB xác định các thủ tục vi phạm nghiêm trọng xem xét hủy bản án sơ thẩm số 33 ngày 15.10.2019 của Tòa án huyện TB

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa có ý kiến như Su:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Trần hải V, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TB,

tỉnh TN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Hải Yến, chị Trương Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 12/8/2019; anh V có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện; do đó cần xác định đây là 01 vụ án độc lập; Tòa án cấp sơ thẩm phải ra thông báo thụ lý vụ án bổ sung; do ông V rút yêu cầu khởi kiện bà Yến nên phải thay đổi người tham gia tố tụng trong vụ án, cụ thể bà Yến là người có quyền lợi liên quan.

Căn cứ vào Điều 227,228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Vào ngày 08 tháng 7 năm 2019 anh V có nộp đơn khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản là quán cà phê Hải Âu, số 226, Quốc lộ 22, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN và Rạp phim thuộc khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh TN với chị Trần Hải Yến và chị Trần Hải V. Ngày 12-8-2019 anh V có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện nội dung: rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Trần Hải Yến, Anh V thay đổi yêu cầu khởi kiện chị Trần Hải V phải trả cho anh số tiền 4.250.000.000 đồng tính tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24 tháng 7 năm 2019 đến ngày Tòa án xét xử (Bút lục 51).

[3] Xét kháng cáo của anh V:

Anh V kháng cáo yêu cầu tính lãi suất lại theo quy định của pháp luật. Thấy rằng: ngày 02/7/2018 anh V có chuyển vào tài khoản của chị Yến tại Ngân hàng Agribank chi nhánh TB số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); ngày 22/11/2018 anh V tiếp tục chuyển vào tài khoản chị Yến số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng), với nội dung “chuyển tiền cho V mượn”. Đến ngày 24/4/2019 chị V có viết giấy nợ anh V 4.250.000.000 đồng hẹn anh V trả làm 02 đợt. Đợt một trả 1.500.000.000 đồng vào ngày 24/5/2019. Đợt hai trả 2.700.000.000 đồng vào ngày 24/7/2019 (BL 05).

Do khi cho chị V mượn tiền anh V không thỏa thuận thời hạn trả, không tính lãi nhưng Su đó chị V viết giấy hẹn trả nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy thỏa thuận nên anh V yêu cầu chị V trả. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi suất cho anh V đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và tính lãi từ ngày 24/7/2019 theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐT ngày 11-01-2019 của Tp Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất theo đơn kháng cáo của anh V.

[4] Xét kháng cáo của chị V: Thì thấy rằng chị V, chị Yến thừa nhận: Vào ngày 02/7/2018 anh V có chuyển vào tài khoản số 5704205009787 tại Ngân

hàng Agribank chi nhánh TB do chị Trần Hải Yến làm chủ số tiền 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng với nội dung “chuyển tiền cho V mượn”, ngày 22/11/2018 anh V tiếp tục chuyển vào tài khoản chị Yến số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng với hình thức ủy nhiệm chi từ tài khoản 0701000387799 của Công ty TNHH Quảng Cáo TN do anh V là người đại diện với nội dung chuyển tiền cho V mượn.

Qua làm việc chị Yến xác định anh V đã chuyển vào tài khoản của chị Yến số tiền 4.250.000.000 (Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu) đồng, chị rút toàn bộ số tiền trên giao cho chị V (BL 29,31,36,62,63,65).

Mặt khác ngày 24/04/2019, chị V viết giấy có mượn của anh Đỗ Quang V số tiền 4.250.000.000 đồng (bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Hẹn anh Đỗ Quang V làm 2 đợt trả, đợt 1: Trả 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 24/5/2019 do chị Trương Thị Mỹ L – SN 1978 trả; đợt 2: Trả 2.750.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) trả vào ngày: 24/07/2019 do chị Trần Hải V trả” (Bút lục 05).

Chị V kháng cáo cho rằng giữa chị và anh V có có quan hệ tình cảm với nhau nên anh V tặng cho chị số tiền 4.250.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, anh V không thừa nhận, chị V không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V. Buộc chị V có nghĩa vụ trả cho anh V 4.250.000.000 đồng và 95.625.000 đồng tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V và kháng cáo của chị V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN.

[5] Xét thấy lời trình bày của luật sư bảo vệ cho chị V cho rằng: Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V :

Thứ nhất; Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành quyết định nhập vụ án là vi phạm tố tụng do nguyên đơn có 2 đơn khởi kiện với 2 quan hệ tranh chấp khác nhau ở 2 thời điểm khác nhau là không có căn cứ, vì ngày 08/7/2019; ông V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung do đồng sở hữu giữa anh V, chị Yến, chị V; tuy nhiên ngày 12/8/2019; anh V đã có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện; do đó cần xác định đây là 01 vụ án độc lập.

Thứ hai; Tòa án cấp sơ thẩm không ra 01 quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện Su khi nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện mà ra quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

Thứ ba, Trong giấy nợ ngày 24/4/2019 bà V hẹn trả ông V vào ngày 21/5/2019 số tiền 1.5 tỷ; do bà V không thực hiện trả nợ nên ngày 08/7/2019 ông V khởi kiện và Tòa án ra thông báo thụ lý có căn cứ.

Thứ tư, Bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo giấy nợ ngày 24/4/2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi đưa bà L vào tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Thứ năm, Bà Yến và bà V thừa nhận có nhận tiền từ ông V gửi chuyển cho bà Yến 4.250.000.000 đồng, được các bên thừa nhận thuộc những tình tiết sự kiện không phải chính minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ sáu, ngày 15/7/2019 ông V có văn bản trình bày ý kiến vụ án; do nội

dụng vụ án đã rõ nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai theo quy định tại Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ 7, Công ty Dân An không có liên quan đến vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng.

Thứ 8, Công ty Quảng Cáo xác định việc Chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng AGRIBANK là tiền các nhân ông V thể bút lục số 78; có xác nhận của Giasm đốc công Ty Hồ Thị Hương Thơm.

Thứ 9, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng bà V vắng mặt nên Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt bà V là đúng quy định của pháp luật.

số tiền 4.250.000.000 đồng anh V tặng cho chị V tiêu xài cá nhân là không có căn cứ.

[6] Xét thấy đề nghị của đại viện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Hải V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do anh V và chị V kháng cáo không được chấp nhận nên anh V, chị V phải chịu tiền án phí phúc thẩm dân sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Quang V.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Hải V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của anh Đỗ Quang V đối với chị Trần Hải V.

2. Buộc chị Trần Hải V có nghĩa vụ phải trả cho anh Đỗ Quang V số tiền 4.345.625.000 (Bốn tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sở hữu tài sản của anh Đỗ Quang V đối với chị Trần Hải Yến.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Hải V phải chịu 112.345.600 (Một trăm mười hai triệu ba trăm

bốn mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Đỗ Quang V 56.125.000 (Năm mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017329 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh TN.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đỗ Quang V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chi L đã nộp theo biên lai thu số 0017633 ngày 07/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, ghi nhận đã nộp xong.

Chị Trần Hải V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chi L đã nộp theo biên lai thu số 0017628 ngày 05/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, ghi nhận đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thúy Phượng Lâm Văn Be

Phạm Thị Hồng V

Nơi nhận:

- VKS tỉnh TN;
- Chi cục
- THADS h.TB;
- TAND h.TB;
- Các đương sự;
- LưuTDS;

**TM. HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ
THẨM PHÁN-
CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

*-Lưu hồ sơ, tập
án.*

Phạm Thị Hồng V

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

